

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đình N, sinh ngày 01/01/1977. Căn cước công dân số: 052077018755.

Nơi thường trú: Thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 01/01/1962. Căn cước công dân số: 052162012236.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã Á, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/3/1983. Căn cước công dân số: 052183008981.

Nơi thường trú: Thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh N1 thống nhất hoàn trả cho anh Bùi Đình N và chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn), trả làm 8 đợt, cụ thể từng đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 31/12/2026 trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Đợt 2: Ngày 31/12/2027 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Đợt 3: Ngày 31/12/2028 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Đợt 4: Ngày 31/12/2029 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Đợt 5: Ngày 31/12/2030 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Đợt 6: Ngày 31/12/2031 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Đợt 7: Ngày 31/12/2032 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Đợt 8: Ngày 31/12/2033 trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Bùi Đình N thỏa thuận chịu án phí DSST là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002484 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh N được hoàn trả số tiền chênh lệch là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh N1 chịu án phí DSST là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*), nhưng bà N1 là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được miễn theo quy định quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 5 - Gia Lai;
- Phòng THA dân sự Khu vực 5 - Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Lê Văn Huy

